

Phòng Khoáng vật học và ứng dụng

(Theo Quyết định số 14/QĐ-VCKHTĐ ngày 31/3/2025 của Viện trưởng Viện Các Khoa học Trái đất)

I. Vị trí và chức năng

Phòng Khoáng vật học và ứng dụng là đơn vị trực thuộc Viện Các Khoa học Trái đất có chức năng nghiên cứu cơ bản và ứng dụng khoáng vật; điều tra, đánh giá tài nguyên khoáng sản.

II. Nhiệm vụ

1. Nghiên cứu cấu trúc, thành phần vật chất, các tính chất hóa lý của khoáng vật;

2. Điều tra, khảo sát, đánh giá tiềm năng, chất lượng khoáng sản;

3. Nghiên cứu, đề xuất quy trình công nghệ chế biến, xử lý, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng xanh, công nghiệp, nông nghiệp, chăm sóc sức khỏe và xử lý môi trường, nâng cao hiệu quả kinh tế khoáng sản;

4. Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của hoạt động khoáng sản tới môi trường.

III. Tổ chức và nhân sự

ST T	Học hàm, học vị, họ và tên	Chức vụ, chức danh nghề nghiệp	Lĩnh vực chuyên môn	Ảnh chân dung
1	ThS. Nguyễn Ánh Dương	Trưởng phòng, NCVC	Địa chất, khoáng vật học	

2	TS. Trần Việt Anh	Phó trưởng phòng, NCVC	Địa hóa- Khoáng vật	
3	TS. Phạm Tuấn Huy	Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Viện Hàn lâm KHCNVN, NCVCC		
4	ThS. Trần Thị Mận	NCV	Địa chất, Khoáng vật học và địa hoá học	
5	ThS. Nguyễn Thế Hậu	NCV	Địa chất, Khoáng vật học và địa hoá học	

6	ThS. Trần Thị Lan	NCV	Địa chất, Khoáng vật học và địa hoá học	
7	ThS. An Thị Thùy	NCV	Địa chất, Cổ sinh địa tầng	
8	ThS. Đào Minh Đức	NCV	Xử lý nước thải, môi trường	
9	ThS. Lê Hữu Quyền	NCV	Địa chất, Kỹ thuật Địa chất	

10	Duy	Cán bộ hợp đồng		
----	-----	-----------------	--	--

IV. Hướng nghiên cứu chính

- Nghiên cứu cấu trúc, thành phần vật chất, các tính chất hóa lý của khoáng vật;
- Nghiên cứu, điều tra, đánh giá tiềm năng, chất lượng khoáng sản.
- Nghiên cứu và sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản.
- Nghiên cứu các giải pháp công nghệ chế biến, sử dụng nguyên liệu khoáng trong sản xuất vật liệu xây dựng không nung, phụ gia khoáng trong sản xuất xi măng và bê tông đầm lăn.
- Nghiên cứu phát triển công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng Geopolymer từ nguồn nguyên liệu khoáng hoạt tính puzolan.
- Nghiên cứu các giải pháp công nghệ sử dụng nguyên liệu khoáng phi kim ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp, xử lý môi trường, trong công nghiệp bia, rượu, nước giải khát, bùn tẩm (Peloid).
- Nghiên cứu đánh giá tiềm năng, dạng tồn tại của nguyên tố đất hiếm và kim loại hiếm.
- Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của hoạt động khoáng sản tới môi trường.

V. Các đề tài đã chủ trì

A. Đề tài cấp nhà nước:

1. Khoáng sản sét và phụ gia puzolan trên Tây Nguyên, tiềm năng, quy luật phân bố và khả năng sử dụng công nghiệp của chúng. Mã số 48C 02-02-02 (1985-1989).
2. Hoàn thiện Quy trình công nghệ sản xuất vật liệu không nung từ puzolan lâm Đồng.(2003-2004).
3. Nghiên cứu đánh giá và dự báo chi tiết hiện tượng trượt lở và xây dựng các giải pháp phòng chống cho thị trấn Cốc Pài huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang – KC 08.33/06-10 (2009-2010).
4. Nghiên cứu đánh giá triển vọng và khả năng thu hồi Indi trong các tụ khoáng thiếc ở Việt Nam nhằm xác lập một nguồn nguyên liệu ứng dụng trong công nghệ nano. Mã số: ĐTĐL.2011-T/22. (2011-2015)

B. Đề tài cấp bộ & tỉnh

1. Sử dụng khoáng sản sét Việt Nam để sản xuất đất dẻo sử dụng trong các hệ thống trường học mẫu giáo. (1995)
2. Đánh giá tiềm năng, chất lượng, khả năng sử dụng trong công nghiệp xi măng của đá vôi tại hai huyện Tân Lạc và Lạc Thủy và của phụ gia xi măng trên địa bàn tỉnh Hoà Bình. (1995)
3. Đánh giá chất lượng, tiềm năng, khoanh vùng phân bố puzolan khu vực Pleiku từ đó đề xuất công nghệ sản xuất gạch không nung, đánh giá khả năng sử dụng chúng để nâng cấp cải tạo hệ thống sân bãi trường học và mạng lưới giao thông nông thôn. (1997)
4. Điều tra nguồn nguyên liệu puzolan và đề xuất giải pháp công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng không nung địa bàn tỉnh Lâm Đồng.(1999-2000)
5. Thử nghiệm công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng không nung từ puzolan khu vực Lâm Đồng với quy mô bán sản xuất trong xây dựng dân dụng và giao thông nông thôn. (2000-2001)
6. Đánh giá tiềm năng bentonit và diatomit; Khả năng sử dụng phục vụ phát triển kinh tế Tây nguyên.(2001-2003)
7. Ứng dụng công nghệ sản xuất vật liệu không nung tại tỉnh Nghệ An. (2003-2004)
8. Ứng dụng kỹ thuật tiến bộ, xây dựng mô hình sản xuất vật liệu xây dựng không nung tại chỗ cho vùng nông thôn, miền núi tỉnh Quảng Trị. (2003-2004)
9. Nghiên cứu, đánh giá đặc điểm tiềm năng nguyên liệu và xây dựng quy trình công nghệ sản xuất gạch lát tự chèn không nung từ puzolan khu vực Pleiku, Buôn Ma Thuột. (2003-2005)
10. Nghiên cứu sử dụng bentonit và diatomit Lâm Đồng phục vụ trong nông nghiệp và công nghiệp.(2004- 2005)
11. Điều tra đánh giá các loại phụ gia xi măng có trên địa bàn Thừa Thiên- Huế phục vụ sản xuất xi măng.(2004- 2005)
12. Đánh giá hiện trạng các tai biến địa chất nguy hiểm ở Duyên Hải Miền Trung và đề xuất các giải pháp phòng tránh giảm thiểu thiệt hại, Chủ nhiệm: TS. Trần Trọng Huệ, Thời gian thực hiện: 2005-2006.
13. Nghiên cứu sử dụng bentonit và diatomit trong xử lý rác thải sinh hoạt, phân gia súc, gia cầm khu vực nông thôn, thành thị (ngoại vị thành phố Đà Lạt).(2006-2007)

14. Điều tra, đánh giá tiềm năng, chất lượng serixit tỉnh Quảng Trị và đề xuất quy trình công nghệ tuyển, nâng cấp chất lượng và khả năng sử dụng của khoáng sản này. (2006-2007)
15. Nghiên cứu, đánh giá mức độ ô nhiễm phóng xạ tự nhiên, xác định nguyên nhân và xây dựng sơ đồ nguy hiểm phóng xạ phục vụ quy hoạch phát triển bền vững và bảo vệ sức khỏe cộng đồng tỉnh Hà Giang, Chủ trì: TS. Trần Trọng Huệ, Thời gian thực hiện: 2008 – 2009.
16. Nghiên cứu, đánh giá nguyên nhân và mức độ ô nhiễm phóng xạ tự nhiên khu vực huyện Thanh Sơn tỉnh Phú Thọ, huyện Vị Xuyên tỉnh Hà Giang và đề xuất giải pháp giảm thiểu tác hại của chúng, Chủ trì: TS. Trần Trọng Huệ, Thời gian thực hiện: 2008 – 2009.
17. Nghiên cứu địa hoá khí radon (Rn), thủy ngân (Hg) nhằm theo dõi các đới đứt gãy hoạt động khu vực xung quanh thủy điện Sơn La, Chủ trì: ThS. Lâm Thúy Hoàn, Thời gian thực hiện: 2008 – 2009
18. Điều tra, đánh giá tiềm năng và khả năng sử dụng của khoáng sản phi kim loại địa bàn tỉnh Hà Giang (2008-2010)
19. Đánh giá tiềm năng một số khoáng sản phi kim loại (phụ gia xi măng, nguyên liệu để sản xuất vật liệu không nung, serixit trên địa bàn tỉnh Yên Bái và đề xuất công nghệ khai thác, chế biến. (2008-2010).
20. Đánh giá tiềm năng khoáng sản phi kim loại (phụ gia xi măng, nguyên liệu để sản xuất vật liệu xây dựng không nung, sericit) trên địa bàn toàn tỉnh Yên Bái và đề xuất công nghệ khai thác chế biến. (2011-2012)
21. Nghiên cứu khả năng sử dụng dolomit chất lượng thấp ở khu vực Hà Nam và Ninh Bình trong sản xuất vật liệu không nung. Mã số đề tài: VAST05.03/13-14 (2013-2015)
22. Nghiên cứu đánh giá khả năng ô nhiễm kim loại nặng trong môi trường nước khu vực khai thác mỏ mangan, antimon, chì-kẽm, sắt tỉnh Hà Giang, Chủ nhiệm: ThS. Lâm Thúy Hoàn, Thời gian thực hiện: 2014-2016
23. Địa chất, nhiệt niên đại (U/Pb, Ar/Ar) và phân loại hệ đồng vị (Sr/Nd) của các batolit granitoid Việt Nam (Paleozoi muộn – Mezozoi). Mã số đề tài: VAST.HTQT-Nga.06/17-18. (2017-2018)
24. Nghiên cứu thạch luận nguồn gốc các tổ hợp núi lửa Permian – Trias hệ rift Sông Hiến – An Châu, Đông Bắc Việt Nam, Chủ nhiệm: TS. Trần Việt Anh, Thời gian thực hiện: 2021-2022

25. Nghiên cứu đánh giá đặc điểm thành phần vật chất của các thành tạo phong hóa từ đá basalt khu vực Nghĩa Đàn - Nghệ An và khả năng sử dụng của chúng trong xử lý chất nhuộm màu hữu cơ trong nước thải công nghiệp. (2022-2023)
26. Nghiên cứu dạng tồn tại của đất hiếm trong vỏ phong hóa granit khối Sông Chảy. Mã số DDLTE00.07/23-24. (2023-2024)

B.3. Đề tài cấp cơ sở và cơ sở trẻ:

1. Nguồn gốc và bản chất puzolan Long Khê. 1983
2. Nghiên cứu công nghệ sản xuất tấm lợp chất lượng cao theo mẫu nhập ngoại từ nguyên liệu trong nước.1998
3. Đặc điểm puzolan đồi Chư-Teh thị xã Pleiku.1999
4. Đặc điểm puzolan Núi Chai Đức Trọng – Lâm Đồng. 2000
5. Nghiên cứu công nghệ sản xuất gạch không nung từ puzolan Lâm Đồng. 2001
6. Ảnh hưởng của phụ gia đến cường độ gạch khụng nung. 2002
7. Đặc điểm của puzolan khu vực Quảng Trị. 2003
8. Ứng dụng bentonit trong cải tạo đất nông nghiệp. 2004
9. Tiềm năng và khả năng sử dụng phụ gia xi măng khu vực Phong điền - Thừa Thiên Huế. 2005
10. Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng nhẹ từ một vài loại nguyên liệu khoáng Việt Nam. 2006
11. Nghiên cứu quy luật phân bố các biến thể đá bazan khu vực Núi Tiên - Nghĩa Đàn - Nghệ An. 2007
12. Nghiên cứu chế biến, sử dụng bentonit và diatomit trong xử lý khử mùi phân gia súc, gia cầm (thí điểm tại công ty cổ phần gà Đà Lạt). 2008
13. Nghiên cứu đánh giá tiềm năng khoáng sản sericit khu vực Khau Phạ- Mù Căng Chải, tỉnh Yên Bái. 2009
13. Nghiên cứu đánh giá tiềm năng, khả năng sử dụng của puzolan từ các thành tạo phun trào axit khu vực Mù Căng Chải- Yên Bái.2010
14. Nghiên cứu đặc điểm thành phần vật chất bazan Kainozoi khu vực Nghĩa Đàn - Nghệ An và khả năng sử dụng nguyên liệu này trong công nghệ sản xuất xi măng và bê tông đầm lăn. 2011
15. Đặc điểm các khoáng vật quặng trong các mỏ thiếc khu vực Pia Oắc. 2012

16. Nghiên cứu thử nghiệm sử dụng đất đỏ khu vực Hoàng Đồng - Lạng Sơn sản xuất vật liệu xây dựng thân thiện môi trường. 2013
17. Nghiên cứu sử dụng bentonit, diatomit trong xử lý mùi của phế thải nông nghiệp ở ngoại vi Thành phố Đà Lạt. 2014
18. Đặc điểm các khoáng vật quặng trong mỏ thiếc Trúc Khê - Tam Đảo. 2015
19. Đặc điểm các khoáng vật quặng trong mỏ thiếc Suối Bắc khu vực Quỳ Hợp – Nghệ An. 2016
20. Nghiên cứu thử nghiệm xác định hàm lượng hợp phần vô định hình trong mẫu bằng XRD trên thiết bị PANalytical Empyrean. 2017
21. Nghiên cứu thử nghiệm sử dụng bùn thải đất đèn từ nhà máy sản xuất khí acetylen để sản xuất vật liệu xây dựng không nung. 2018
22. Đặc điểm thành phần khoáng vật tạo đá của granitoid khối Bản Chiềng. 2019
23. Luận giải nhiệt độ nung của gạch khảo cổ dựa vào đặc điểm thành phần vật chất của chúng. 2020
24. Nghiên cứu, đánh giá đặc điểm thành phần vật chất và khả năng sử dụng của dolomit khu vực Thu Ngạc, Tân Sơn, Phú Thọ. 2021
25. Nghiên cứu sự biến đổi thành phần – cấu trúc của kaolinit trong quá trình nung từ nhiệt độ thường đến 1100°C và khả năng sử dụng hiệu quả của chúng. 2016
26. Đánh giá khả năng sử dụng đá phun trào acid khu vực Mù Căng Chải làm phụ gia hoạt tính trong sản xuất vật liệu xây dựng không nung. 2016
27. Nghiên cứu khả năng sử dụng bentonit Tam Bó (Di Linh - Lâm Đồng) làm bùn khoáng –peloid. 2018
28. Nghiên cứu thử nghiệm chế tạo vật liệu gốm không nung geopolymers từ kaolin Tùng Bá. 2018
29. Nghiên cứu thành phần khoáng vật bằng phương pháp XRD ở hai mẫu lõi khoan CL-18 và SH-15. 2019
30. Nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ nung đến sự chuyển pha khoáng vật và tính chất cơ lý của sản phẩm geopolymers. 2019
31. Nghiên cứu thử nghiệm sử dụng tro bay trong sản xuất vật liệu xây dựng nhẹ. 2020

VI. Các xuất bản chủ yếu

VI.1. Các công bố danh mục SCI-E, Scopus

1. The Hau Nguyen, P.A.Nevolko, Thi DungPham, T.V.Svetlitskaya, Trong HoaTran, R.A.Shelepaev, P.A.Fominykh, Ngoc CanPham., 2020. Age and genesis of the W-Bi-Cu-F (Au) Nui Phao deposit, Northeast Vietnam: Constrains from U-Pb and Ar-Ar geochronology, fluid inclusions study, S-O isotope systematic and scheelite geochemistry. Ore Geology Reviews, Volume 123, doi.org/10.1016/j.oregeorev.2020.103578
2. Trần Thị Lan, Nguyễn Ánh Dương, Phan Lưu Anh, Trần Thị Mận., 2021. Use fly ash for the production of lightweight building materials. Vol.43. No3.Vietnam Journal of Earth Sciences
3. Nguyễn Ánh Dương, Phan Lưu Anh, Trần Thị Mận, Trần Thị Lan., 2020. Research on the use of calcium carbide residue from the acetylene gas manufacturing factory to produce non-calcined brick. Vietnam Journal of Earth Sciences.Vol 42, No 2.pp. 141-151.
4. Tran Thi Man, Tran Thi Lan, Nguyen Anh Duong, Phan Luu Anh., 2020. Assessment of the usability of Tam Bo bentonite (Di Linh - Lam Dong) for peloid. Vietnam Journal of Earth Sciences. Vol 42, No 4, pp.384-394.
5. P.A. Nevolko, T.V. Svetlitskaya, The Hau Nguyen ,Thi Dung Pham, P.A. Fominyk, Trong Hoa Tran, Tuan Anh Tran, R.A. Shelepaev., 2022. Genesis of the Thien Ke tungsten deposit, Northeast Vietnam: Evidence from mineral composition, fluid inclusions, S-O isotope systematics and U-Pb zircon ages. Ore Geology Reviews, Volume 143.
6. Nguyen Minh Quang, Vu Van Ha, Nguyen Thi Min, Ngo Thi Dao, Nguyen Thi Thu Cuc, Dang Minh Tuan, Dang Xuan Tung, Tran Thi Man, Nguyen Thi Thao., 2023. Holocene sedimentary facies in the incised valley of Ma River Delta, Vietnam. Vietnam Journal of Earth Sciences, 45(4), 497–516. <https://doi.org/10.15625/2615-9783/18923>
7. Hường Nguyễn-Văn, Jan P. Schimmelmänn, Dương Nguyễn-Thùy, Antti E.K. Ojala, Ingmar Unkel, Thái Nguyễn-Đình, Yu Fukumoto, Kelsey E. Doiron, Peter E. Sauer, Agnieszka Drobniak, Nguyệt Thị Ánh Nguyễn, Quốc Đỗ-Trọng, Hồng Nguyễn-Thị, Dương Nguyễn-Ánh, Tạo Nguyễn-Văn, Arndt Schimmelmänn., 2022. Volume 621, pp. 84-100. Quaternary International. <https://doi.org/10.1016/j.quaint.2020.05.013>.
8. [Vladimirov, A. G., Travin, A. V., Anh, P. L., Murzintsev, N. G. & Mikheev, E. I., 2019. Thermochronology of the Cordilleran-Type Metamorphic Core Complex: The Example of the Song Chay Massif, Northern Vietnam. Doklady Earth Sciences. Vol 488, No2. Pp.1231-1239.](#)
9. Vladimirov A.G., Travin A.V., Anh P.L., Murzintsev N.G., Annikova I.Y., Mikheev E.I., Duong N.A., Man T.T., Lan T.T. 2019. Thermochronology of granitoid batholiths and their transformation into metamorphic core complexes (example of Song-Chai massif, Northern Vietnam. Geodynamics &

Tectonophysics. 10(2). pp 347-373. doi.org/10.5800/GT-2019-10-2-0418,.

10. Trần Thị Lan, Nguyễn Ánh Dương, Trần Thị Mận. 2019. Research on fabrication of non-calcined geopolymer ceramics from kaolin Tung Ba, Vi Xuyen, Ha Giang. Vietnam Journal of Earth Sciences. 41(4)., 388-402.
11. Tran Viet Anh, Klyuev R.V., Bosikov I.I., Tsidaev B.S. Estimation of the reliability of the ventilation control system at the mining sites. Earth and Planetary sciences and Environmental sciences, T10, No(1) 35, 2018.
12. [Angela Dumas](#), [François Martin](#), [The Ngo Ke](#), [Hanh Nguyen van](#), [Dung Nguyen Viet](#), [Vinh Nguyen Tat](#), [Nam Kieu Quy](#), [Pierre Micoud](#), [Philippe De Parseval](#)., 2015. The crystal-chemistry of Vietnamese talcs from the Thanh Son district (Phu Tho province, Vietnam). Clay Minerals Vol 50, No 5, pp, 607-617. doi.org/10.1180/claymin.2015.050.5.05
- 13.. G.G. Pavlova, S.V. Palessky, A.S. Borisenko, A.G. Vladimirov, Th. Seifert, Luu Anh Phan. 2015. Indium in cassiterite and ores of tin deposits. Ore Geology Reviews, ISSN:0169-1368, No 66, pp 99-113, 2015.
14. A. G. Vladimirov, P. A. Balykin, Phan Luu Anh, N. N. Kruk, Ngo Thi Phuong, A. V. Travin, Tran Trong Hoa, I. Yu. Annikova, M. L. Kuybida, E. V. Borodina, I. V. Karmysheva, and Buy An Nien., 2012. The Khao Que–Tam Tao Gabbro–Granite Massif, Northern Vietnam: A Petrological Indicator of the Emeishan Plume. Russian Journal of Pacific Geology, Vol 6, No 5, pp. 395-411. DOI:10.1134/S1819714012050065.
15. Phan Luu Anh, A.G. Vladimirov, N.N. Kruk, G.V. Polyakov, V.A. Ponomarchuk, Tran Trong Hoa, Ngo Thi Phuong, M.L. Kuibida, I. Yu. Annikova, G.G. Pavlova, and V. Yu. Kiseleva. 2010. Stanniferous Granites of Vietnam: Rb–Sr and Ar–Ar Isotope Age, Composition, Sources, and Geodynamic Formation Conditions. Doklady Earth Sciences, Vol.432, Part 2. pp 839-845. DOI: 10.1134/S1028334X10060280.
16. A. G. Vladimirov, Phan Luu Anh, N. N. Kruk, C. Z. Smirnova, I. Yu. Annikova, G. G. Pavlova, M. L. Kuibida, E. N. Moroz, E. N. Sokolova, and E. I. Astrelina., 2010. Petrology of the Tin Bearing Granite–Leucogranites of the Phiaok Massif, Northern Vietnam. Petrology, Vol 20, No 6, pp545-566. DOI: 10.1134/S0869591112050074
17. Wang Hai, Zhao Zhuang, Yang Xiao Yong, Gu Huang Ling, Zheng Ye and Nguyen Tuan Anh. Genesis of the Baoshujian Cu- polymetal deposit in Anqing-Guichi ore- cluster area: Constraints from petrogeochemistry and geochronology. No(1) 36, p.184-204, 2020.

VI.2. Các công bố trên tạp chí có chỉ số ISSN

1. Phan Lưu Anh Nguyễn Ánh Dương, Trần Thị Mận, Trần Thị Lan., 2023. Điều kiện thành tạo và sinh khoáng khối Granit Nậm Giải trên cơ sở thành phần Biotit. Tạp chí Môi trường. Chuyên đề 1, năm 2023, tr23-29
2. Nguyễn Ánh Dương, Nguyễn Mạnh Tùng., 2022. Nguyên liệu khoáng tự nhiên

phục vụ cho xây dựng nhà tường trình khu vực cao nguyên đá Đồng Văn, Hà Giang. Tạp chí Tài nguyên và Môi trường.

3. Trần Thị Lan, Nguyễn Ánh Dương, Trần Thị Mận., 2019. Đánh giá khả năng sử dụng đá phun trào axit khu vực Mù Căng Chải làm phụ gia hoạt tính trong sản xuất vật liệu xây dựng không nung. Tuyển tập hội nghị khoa học cán bộ trẻ lần thứ XV. Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng. Bộ xây dựng. Nhà xuất bản Xây dựng, pp.81-91.
5. Phan L.A., A.G. Vladimirov, A.V. Travin, E.L. Mikheev, N.G. Murzintsev, I.Yu. Annikova, Nguyen A.D., Tran T.M., Tran T.L., 2019. Geology and geochronology of the cretaceous granitoid magmatism of the South-East Vietnam. "Geology and Metallogeny of Vietnam " ISBN 978-6040913-809-6. 28 March 2019, Hanoi, Vietnam.
6. Nguyễn Đình Thái, Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Nguyễn Thùy Dương, Nguyễn Văn Hường và Nguyễn Ánh Dương., 2019. Đặc điểm khoáng vật học lõi trầm tích BHM8-2C1-D1 chỉ thị thay đổi môi trường biển hồ trong 70 năm qua. Hội thảo khoa học "Nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực Khoa học Trái đất và Môi trường" (CAREES). Ho Chi Minh City, November 29, 2019. Nhà xuất bản Khoa học và Công nghệ, pp.63-67.
7. Phan Luu Anh, Alexander Vladimirov, Alexey Travin, Evgeny Mikheev, Vladimir Golozubov, Sergey Kasatkin, Dina Semyonova, Ekaterina Moroz, Nguyen A.D., Tran T. M., Tran T. L. 2018. Deoca –Cana granitoid intrusions (100-88 Ma): Petrological indicators of transform continental margin of SE Asia (Dalat zone, Vietnam). Proceedings 15th Regional congresses on geology, mineral and energy resources of Southeast Asia. 5th GEOSEA, Hà Nội 2018
8. Travin A.V, Vladimirov A.G, Phan L.A, Tsygankov A.A, Murzintsev N.G, Mikheev E.I, Nguyen A.D, Adonyeva A. 2018. Thermochronology of granitoid batholiths of the South East and the Central Asia. Proceedings 15th Regional congresses on geology, mineral and energy resources of Southeast Asia. 5th GEOSEA, Hà Nội 2018, pp 99-101
9. Trần Văn Phong, Bùi Văn Thơm, Nguyễn Quang Xuyên, Trần Việt Anh, 2018. Thử nghiệm ứng dụng đo khoảng cách bằng công nghệ laser cho xây dựng mô hình quan trắc biến dạng trong đới nứt đứt tại Chí Linh, Hải Dương, Tạp chí Tài nguyên và Môi trường. Số 16 kỳ 2 tháng 8 năm 2018
10. Kiều Quý Nam, Nguyễn Ánh Dương., 2016. Chất kết dính geopolimer trong sản xuất vật liệu xây dựng không nung. Địa chất và tài nguyên Việt Nam. Tuyển tập báo cáo khoa học toàn quốc kỷ niệm 70 năm phát triển. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. ISBN 978-604-913-5, pp 648-658.
11. Bui Van Thom, Pha Trong Trinh, Ngo Tuan Tu, Nguyen Anh Duong, Nguyen Dang Manh., 2016. Some study results of Cam Ranh- Binh Thuan mud eruption strip. Vietnam Journal of Earth Sciences... pp. 256-276.
12. Nguyễn Ánh Dương, Kiều Quý Nam, Phan Văn Hùng, Trần Thị Lan. Đá dolomite hoạt tính khu vực Hà Nam và đặc tính kỹ thuật của gạch không nung làm từ nguyên

- liệu này. 2015. Tài nguyên và Môi trường ISSN 1859-1477, No 12-(218), tr. 34-36, 2015
13. Kiều Quý Nam, Nguyễn Ánh Dương, Phạm Như Sang, Nguyễn Thế Hậu. 2015. Dolomit và khả năng sử dụng trong sản xuất vật liệu xây dựng không nung. Tạp chí Địa chất ISSN 0866-7381, No 350, 2015.
 14. Nguyễn Ánh Dương, Kiều Quý Nam, Trần Tuấn Anh., 2014. Đất đỏ basalt-Nguồn nguyên liệu cho sản xuất gạch không nung. Tạp chí Các khoa học Trái đất, V.36, S3.pp 214-220.
 15. Ngô Kế Thế, Nguyễn Văn Hạnh, Kiều Quý Nam., 2014. Nghiên cứu đánh giá chất lượng quặng talc Thu Ngạc sử dụng cho công nghiệp. Tuyển tập báo cáo Hội nghị KHCN tuyển khoáng toàn quốc lần thứ IV. Nhà xuất bản KHTN và CN. 11/2014. ISBN: 978-604-913-303-9, pp 359-368
 16. Bùi Quang Cư, Nguyễn Hoài Châu, Nguyễn Văn Hà, Nguyễn Văn Quang, Nguyễn Ánh Dương, Lê Anh Bằng, Hoàng Văn Tú, Vezentsev. A.I., Bukhanov. V.D., Sokoloskiy .P.V., 2014. Разработка основ технологии переработки Ламдонгского бентонита с целью получения сорбционно-активной кормовой добавки Для птицеводства. Сорбционные и ионообменные процессы в нано-и супрамолекулярной химии: Материалы Всероссийской научной конференции с международным участием (Белгород, 22-24 сентября 2014). ISBN 978-5-9571-0996-9, pp164-168.
 17. Kiều Quý Nam, Nguyễn Ánh Dương., 2010. Nguyên liệu và công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng không nung - một vài kết quả thử nghiệm. Tạp chí Địa chất, loạt A số 322/ 12/ 2010. pp. 56-65
 18. Nguyễn Ánh Dương., 2010. Nguyên liệu khoáng hoạt tính tự một số đá phun trào axit và trung tính ở Việt Nam và ý nghĩa thực tiễn của chúng. Tạp chí Các khoa học về Trái đất. T.33, Số 3, pp.599-605
 19. Kiều Quý Nam, Nguyễn Ánh Dương. Nguyên liệu và công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng không nung - một vài kết quả thử nghiệm. Tạp chí Địa chất, loạt A số 322/ 12/ 2010.
 20. Phan Lưu Anh, Trần Trọng Hòa, Trần Tuấn Anh, Ngô Thị Phượng, Nguyễn Ánh Dương. Điều kiện nhiệt động thành tạo granitoid tổ hợp Bến Giằng- Quế Sơn trên cơ sở thành phần biotit của chúng. Tạp chí Các Khoa học về Trái đất. Số 3.2009, tr, 13-21.
 21. Võ Công Nghiệp, Dương Đức Kiêm, Trần Tân Văn, Kiều Quý Nam Nguyễn Văn Việt. 2008. Tục ăn đất ở Việt nam : Biểu hiện, căn nguyên và hướng nghiên cứu. Tạp chí Địa chất loạt A số 309 11-12/ 2008, tr.135-148
 22. Phan Trọng Trịnh, Bùi Văn Thơm, Nguyễn Hồng Phương, Hoàng Quang Vinh, Ngô Văn Liêm, Nguyễn Văn Hướng, Mai Thành Tân, Nguyễn Đăng Tú, Nguyễn Ánh Dương. 2008. Vai trò của hoạt động kiến tạo trẻ và kiến tạo hiện đại tới tại biến địa chất Miền Trung. Tạp chí Các Khoa học về Trái đất. Số 4., tr.393-404.
 23. Kiều Quý Nam. Về đặc điểm thành phần khoáng vật của đất đỏ ăn vùng Lập Thạch Vĩnh Phúc. Tạp chí Địa chất loạt A số 302 9-10/ 2007, tr. 70-75.

24. Kiều Quý Nam., 2007. Về đặc điểm thành phần khoáng vật của đất để ăn vùng Lập Thạch Vĩnh Phúc. Tạp chí Địa chất loạt A số 302 9-10/ 2007
25. Phan Đông Pha, Lê Thị Nghinh, Kiều Quý Nam, Nguyễn Xuân Huyền. Đặc điểm phân bố và điều kiện thành tạo sét bentonit và diatomit vùng Cheo Reo, Phú Túc và cao nguyên Vân Hòa, Tạp chí Địa chất, Loạt A 299(3-4)/2007, tr.50-59.
26. Kiều Quý Nam. Nghiên cứu sử dụng puzolan trong sản xuất vật liệu xây dựng không nung. Loạt A. số 293 3-4/2006 .Trang 16-24.
27. Trần Văn Dương, 2006. Các dị thường hơi thủy ngân trong đất và tính hoạt động của đứt gãy tân kiến tạo vùng Cao Bằng “Các Khoa học về Trái đất” số 2 (T28); tr. 150-154
28. Trần Trọng Huệ, Nguyễn Đức Rời, Lâm Thúy Hoàn, 2006. Khảo sát về khả năng ô nhiễm phóng xạ vùng ven biển tỉnh Nam Định. Tạp chí các khoa học về Trái đất. 4[PC]. tr. 385-391, Số 2(T.28).
29. Kiều Quý Nam, Nguyễn Hữu Toàn Phan. 2005. Nghiên cứu sử dụng bentonit và diatomit trong xử lý rác thải sinh hoạt và phân gia súc, gia cầm. Tạp chí Các khoa học về Trái đất. Số 4/2005, tr.351-355.
30. Kiều Quý Nam. 2005. Nghiên cứu sử dụng bentonit và diatomit trong xử lý rác thải sinh hoạt và phân gia súc, gia cầm. Tạp chí Các khoa học về Trái Đất. Số 4/2005
31. Trần Trọng Huệ, 2005. Nghiên cứu đánh giá tai biến địa chất và các giải pháp phòng tránh. Tuyển tập báo cáo khoa học kỷ niệm 30 năm Viện Khoa học và Công nghệ Việt nam. Quyển III. tr. 329-345
32. Nguyễn Phú Duyên, 2005. Một số kết quả nghiên cứu nứt đất hiện đại bằng phương pháp đồng vị radon rìa Tây Nam đồng bằng Bắc Bộ. Địa chất, số 286,1-2/2005. tr. 39-48.
33. Trần Văn Dương, Trần Trọng Huệ, 2004. Xây dựng bản đồ tai biến trượt lở lưu vực hồ thủy điện Hoà Bình. Tạp chí “Các Khoa học về Trái đất” số 2 (T26); tr. 151-161
34. Nguyễn Phú Duyên, 2004. Mối liên quan giữa đồng vị radon với hiện tượng sụt lở đất dọc đứt gãy Sông Hậu. Tạp chí “Các Khoa học về Trái đất” số 4 (T26); tr. 413-417
35. Kiều Quý Nam. 2004. Nghiên cứu đặc điểm cấu trúc và khả năng ứng dụng bentonit Lâm Đồng trong xử lý các nguồn nước ô nhiễm.. Tạp chí Các Khoa học về Trái đất.số 4/2004..tr. 486-691.
36. Trần Trọng Huệ, Lâm Thúy Hoàn, Nguyễn Đức Rời, Nguyễn Phú Duyên, Trần Văn Dương, Phạm Thái Nam, 2004. Thực trạng ô nhiễm phóng xạ tự nhiên tại huyện Vị Xuyên, Bắc Mê và thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Giang. Tạp chí các khoa học về Trái đất. 4[PC]. tr. 385-391.
37. Nguyễn Phú Duyên, Bùi Học, 2004. Nghiên cứu nứt đất hiện đại bằng radon phần Trung tâm đồng bằng Bắc Bộ. Tuyển tập Báo cáo Hội nghị khoa học lần thứ 16, Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Quyển 3: Địa chất công trình - Địa chất thủy văn & Môi trường tr. 112-120.
38. Trần Văn Dương, 2004. Ứng dụng phương pháp địa hoá khí thủy ngân trong nghiên cứu địa động lực hiện đại và tìm kiếm khoáng sản. Tạp chí “Các Khoa học về Trái đất” số 4 (T26); tr. 418-425

39. Trần Trọng Huệ, Lâm Thúy Hoàn, Nguyễn Đức Rõ, 2003. Khoanh vùng mức độ nguy hiểm phóng xạ radon trong khí đất. Tạp chí các KH về TĐ
40. Trần Văn Dương, Nông Đình Hai, 2003. Ứng dụng công nghệ GIS xử lý các thông tin địa chất xây dựng bản đồ phân vùng tai biến tự nhiên. Tạp chí “Các Khoa học về Trái đất” số 4 (T25); tr. 491-498.
41. Kiều Quý Nam. 2002. Mối tương quan giữa thành phần hoá học, cấu trúc đá với hoạt tính puzolan trong bazan Kainozoi tại Lâm Đồng..Tạp chí các Khoa học về Trái đất. Số 4/2002.tr.341-347
42. Trần Trọng Huệ, Kiều Quý Nam. 2002. Khoáng hoá serixit ở ViệtNam và ý nghĩa kinh tế của chúng.tạp chí Địa chất. Loạt A. số 273/11-12-2002.tr.29-37
43. Kiều Quý Nam. 2001. Puzolan Việt Nam: Tiềm năng và khả năng sử dụng.Tạp chí Địa chất. Loạt A. số267/11-12 2001.tr106-110.
44. Trần Trọng Huệ, 2002. Những kết quả nghiên cứu bước đầu về một số dạng tai biến địa chất nguy hiểm điển hình vùng Tây Bắc Việt nam. Báo cáo hội thảo khoa học “Động đất và một số dạng tai biến tự nhiên khác vùng Tây Bắc Việt nam”.
45. Kiều Quý Nam, Đậu Hiền, Trần Thị Sáu. 2000. Một số kết quả nghiên cứu về chất lượng, tiềm năng và khả năng sử dụng của puzolan từ các thành tạo bazan vùng Pleiku. Tạp chí Địa chất.loạt A. số 259/7-8/2000. tr.27-32.
46. Đậu Hiền, Kiều Quý Nam. 1999. Về vỏ phong hoá kaolin vùng Đà Lạt. Tạp chí Địa chất. Loạt A số 252/5-6/1999. tr.18-20
47. Kiều Quý Nam. 1998. Nghiên cứu sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, nâng cao hiệu quả kinh tế khoáng sản khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Tuyển tập báo cáo hội nghịKH&CN&MT phục vụ phát triển kinh tế-xã hội các tỉnh Nam trung bộ và tây nguyên. 6/1998. tr 75-80.
48. Kiều Quý Nam. 1996. Bản chất nguồn cung cấp vật liệu trong quá trình hình thành mỏ bentonit Tam Bó Di Linh. Tạp chí Các khoa học về Trái đất. Số (T 18) 3/1996. tr 314-318.
49. Kiều Quý Nam. 1996. Một số đặc điểm diatomit Tây Nguyên. Địa chất & Tài nguyên NXB Khoa học Kỹ thuật . Hà Nội.1996. tr.265-269
50. Kiều Quý Nam, Nguyễn Xuân Hoà. 1991. Nhận xét chung về kaolin Tây Nguyên. Địa chất &Tài nguyên. NXB Khoa học kỹ thuật 1991-Hà Nội. Tr.74-78
51. Kiều Quý Nam. 1991. Phát hiện bentonit ở vùng Chư Sê (GiaLai- KonTum) và một số thông số kỹ thuật của nó. Tạp chí Địa chất 202-203/1991-1-4. tr. 50-54.
52. Kiều Quý Nam. Clay formation in Tay Nguyen region and its technical features and utilization. Prroceedings of 2nd congress on geology of Indochina. Volum 2. Page 280-293. HaNoi 11-13 November 1991. Thành tạo sét ở vùng Tây Nguyên và những đặc tính kỹ thuật và ứng dụng của nó
53. Kiều Quý Nam, Nguyễn Minh Thành. 1982. Một số kết quả nghiên cứu bước đầu về sét kĩ Thứ Tu thuộc lãnh thổ thành phố Hồ Chí Minh. Tạp chí Khoa học Trái đất. 1982.trang 368-383.
54. Kiều Quý Nam. 1982. Thành phần và sự phân bố các tổ hợp khoáng vật nặng trong trầm tích Mezozoi ở vùng Tây Bắc Việt nam và ý nghĩa của chúng trong việc thành lập bản đồ cổ địa lí. Tạp chí Khoa học Trái đất. 1982. trang 405-414.
55. Nguyễn Phú Duyên, Nguyễn Văn Phổ và Bùi Học, 2004. Kết quả nghiên cứu nứt đất hiện đại rìa Đông Bắc đồng bằng Bắc Bộ bằng phương pháp đồng vi. Tuyển

- tập Báo cáo Hội nghị khoa học lần thứ 16, Trường Đại học Mở - Địa chất. Quyển 3: Địa chất công trình - Địa chất thủy văn & Môi trường
56. Nguyễn Phú Duyên, Bùi Học, Trần Văn Dương và Nguyễn Huy Thịnh, 2004. Ứng dụng phương pháp đồng vị radon để nghiên cứu đứt gãy Sông Tiền và hiện tượng sạt lở bờ sông. Địa chất Tài nguyên Môi trường Nam Việt Nam. Công trình kỷ niệm 29 năm thành lập Liên đoàn Bản đồ ĐC Miền Nam. tr. 227-236.
57. Nguyễn Phú Duyên, Bùi Học, 2002. Kết quả bước đầu nghiên cứu khí phóng xạ radon trong nước ngầm tầng nông khu vực mỏ graphit chứa xạ xã Tiên An - huyện Tiên Phước - Quảng Nam. Tuyển tập Báo cáo Hội nghị khoa học lần thứ 15, Trường Đại học Mở - Địa chất. Quyển 3: Địa chất công trình - Địa chất thủy văn & Môi trường. tr.178-182.
58. Nguyễn Phú Duyên, 2002. Nghiên cứu độ thấm khí của đất trong thành lập bản đồ đường đẳng trị radon khu vực mỏ graphit chứa xạ Tiên An - Tiên Phước - Quảng Nam. Tuyển tập Báo cáo Hội nghị khoa học lần thứ 15, Trường Đại học Mở - Địa chất. Quyển 3: Địa chất công trình - Địa chất thủy văn & Môi trường. tr.212 - 216

VI.3. Văn bằng giải pháp hữu ích

1. Bằng độc quyền Giải pháp hữu ích: Phương pháp thu hồi Indi từ bụi lò hồ quang luyện thiếc. Số 1704. Tác giả: Lê Hồng Sơn, Phan Lưu Anh, Nguyễn Ánh Dương.